TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2017.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vương Văn Mum.

Ông Cao Hoài Hiêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hảnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: Tổ 04, ấp HB, xã AH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Trọng H, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Ấp AP, xã AH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 4 năm 2017 của nguyên đơn - chị Đ và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Đ trình bày:

Chị và anh H chung sống với nhau vào tháng 9 năm 2008, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 127/2009 ngày 30-6-2009 tại Ủy ban nhân dân xã AH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Chị và anh H chung sống hạnh phúc đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do bất đồng tư tưởng trong sinh hoạt đời sống hàng ngày, anh H không lo làm kinh tế gia đình, không quan tâm đến

cuộc sống của vợ con; anh H cho rằng chị không chung thủy nên thường kiếm chuyện gây gổ, đánh chị. Anh H bỏ đi về sống tại nhà anh ruột của anh H từ tháng 11 năm 2016, vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Lê Thị Bích N, sinh ngày 23-11-2009, cháu N đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ riêng: Năm 2016 anh H có vay bà L là mẹ ruột chị số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để anh H trả nợ anh H cầm cố xe cho người khác. Anh H đã trả cho bà L 2.000.000 đồng, còn nợ lại 18.000.000 đồng. Chị yêu cầu anh H có nghĩa vụ trả cho bà L 18.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 6 năm 2017, bị đơn - anh H trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Đ về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung là đúng.

Về nợ chung: Năm 2015, anh H và chị Đ có vay bà L là mẹ ruột của chị Đ số tiền 20.000.000 đồng để trang trải kinh tế gia đình. Anh H và chị Đ đã trả cho bà L được 2.000.000 đồng, còn nợ 18.000.000 đồng.

Về nợ riêng: Không có.

Nay anh đồng ý ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Anh đồng ý giao cho chị Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu N, sinh ngày 23-11-2009, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị Đ mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 9.000.000 đồng nợ gốc, không trả tiền lãi.

Về nợ riêng: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vụ án không vi phạm quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đ yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: Giao con chung cho chị Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị Đ không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh H vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Đ và anh H chung sống với nhau vào tháng 9 năm 2008, có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã AH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và hiện tại vợ chồng có thời gian sống ly thân từ tháng 11 năm 2016 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị Đ và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cụ thể: Anh H không lo làm kinh tế gia đình, không quan tâm đến cuộc sống của vợ con; anh H cho rằng chị Đ không chung thủy nên thường kiếm chuyện gây gổ, đánh chị Đ. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn, anh H đồng ý ly hôn với chị Đ. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh H theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu N, sinh ngày 23-11-2009 do chị Đ đang nuôi dưỡng. Hiện tại, cháu N phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Chị Đ yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, anh H đồng ý và chị Đ đang có nghề nghiệp ổn định. Vì vậy, có cơ sở giao cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu N là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu N nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Đ và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về số nợ: Đối với số tiền nợ bà L 18.000.000 đồng, chị Đ trình bày là nợ riêng của anh H, anh H cho là nợ chung. Qua làm việc, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí: Chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chị Đ được ly hôn anh H.

2. Về con chung: Giao chị Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Thị Bích N, sinh ngày 23-11-2009.

Ghi nhận chị Đ không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0008984 ngày 19-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- UBND xã AH;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Nghện